TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH Q

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 158/2022/HNGĐ-ST
Ngày 05-7-2022.
Về việc " *Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH Q

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Đinh Thị Huỳnh Lý.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Hồng Sơn.
2. Ông Nguyễn Hữu Tin.

***Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa*:** ông Trần Ngọc Luông - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Q.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Q tham gia phiên Tòa: bà Nguyễn Trần Anh Vân–Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 35/2022/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 02 năm 2022, Vv: *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Bùi H, sinh năm 1962; Địa chỉ: khối phố A, phường T2, thành phố T, tỉnh Q. Có mặt.

- Bị đơn: bà Hồ Thị A, sinh năm 1966; Địa chỉ: khối phố A, phường T2, thành phố T, tỉnh Q. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Bùi H trình bày:

Tôi và bà Hồ Thị A tự nguyện tìm hiểu đến với nhau thành vợ chồng có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào năm 1991 tại UBND phường T2, thành phố T, tỉnh Q nhưng Giấy chứng nhận kết hôn bị thất lạc tôi không tìm thấy. Trong quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn là do không hợp nhau trong cách sống và quan điểm, vợ chồng thường xuyên cải vả, đánh đập, không thể tiếp tục chung sống với nhau được. Tôi có làm đơn yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa tôi và bà A nhưng nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn giữa tôi và bà A.

Trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung: Bùi P, sinh năm 1993 và Bùi P2, sinh năm 1994. Các con đều đã trưởng thành, tự lực được về kinh tế nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: tôi không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

- Bị đơn bà Hồ Thị A đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án nên không có lời trình bày trong quá trình tòa án giải quyết vụ án và không có lời trình bày tại phiên tòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng pháp luật; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đối với nguyên đơn là đúng pháp luật, đối với bị đơn là chưa đảm bảo quy định của pháp luật. Trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: đề nghị xét cho ông Bùi H được ly hôn bà Hồ Thị A, các con chung đều đã trưởng thành, tài sản chung đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Ông Bùi H có đơn khởi kiện yêu cầu không công nhận vợ chồng đối với bà Hồ Thị A nhưng sau đó có yêu cầu giải quyết cho ly hôn với bà Hồ Thị A, hiện trú tại: khối phố A, phường Tân T2, thành phố T, tỉnh Q. Vì vậy việc khởi kiện của ông H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Q và Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là *"Ly hôn"* là đúng thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

- Bà Hồ Thị A là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: ông Bùi H và bà Hồ Thị A chung sống với nhau từ năm 1991 và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tại địa phương. Nay cuộc sống chung giữa ông H và bà A không có hạnh phúc, nguyên nhân theo ông H là do không hợp nhau trong cách sống và quan điểm sống bất đồng, thường xuyên mâu thuẫn, cải vả, đánh đập.

Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù ông H khai ông và bà A có đi đăng ký kết hôn vào năm 1991 tại Ủy ban nhân dân phường T2, thành phố T, tỉnh Q nhưng ông không xuất trình được giấy chứng nhận kết hôn nên ông yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà A, sau đó ông H thay đổi yêu cầu khởi kiện là xin ly hôn. Qua kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân phường T2 thể hiện ông Bùi H và bà Hồ Thị A có đến Ủy ban nhân dân phường T2 đăng ký kết hôn và ông H, bà A đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 178 ngày 06/8/1991. Do vậy, hôn nhân giữa ông Bùi H và bà Hồ Thị A là hợp pháp. Hiện nay, vợ chồng không còn tình cảm, ông H kiên quyết xin ly hôn với bà A. Bà A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không đến giải quyết, điều này thể hiện bà A không có thiện

chí mong muốn vợ chồng đoàn tụ, như vậy cuộc sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần xét cho ông Bùi H được ly hôn với bà Hồ Thị A.

- Về con chung: các con chung đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: ông H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: ông Bùi H phải chịu tuy nhiên ông H là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội, ông H được miễn án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Ly hôn"* của nguyên đơn ông Bùi H với bị đơn bà Hồ Thị A.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Bùi H với bà Hồ Thị A.

- Về con chung: các con chung đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: ông H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ông Bùi H được miễn.

Hoàn lại cho ông Bùi H tiền tạm ứng án phí 300.000đồng ông H đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Q theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009511 ngày 17 tháng 02 năm 2022.

3. Về quyền kháng cáo: đương sự có mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận* :**
- TAND tỉnh Q;
- VKSND tỉnh Q;
- VKSND tp T;
- UBND phường T2;
- Chi cục T.H.A tp T;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đinh Thị Huỳnh Lý